

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Dịch vụ Du lịch Bến Thành

Ngày 30/09/2025	13,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	12.1%	23.8%	0%

DT thuần Q3/25
340
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 46.0 15.5%
YoY: ▲ 12.0 3.5%

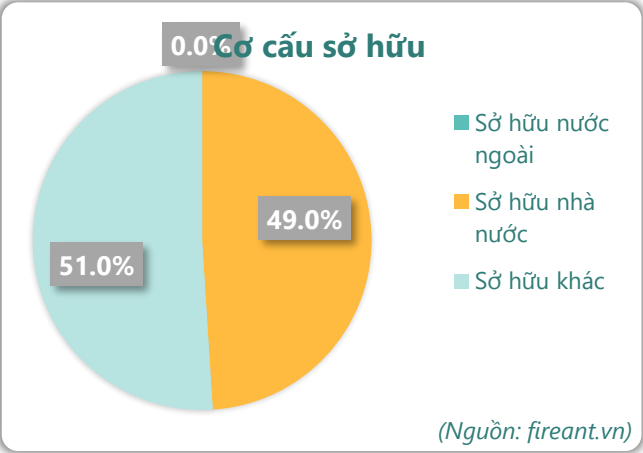
LN thuần Q3/25
8.64
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.73 9.2%
YoY: ▼4.86 -36.0%

LN sau thuế Q3/25
6.81
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.51 8.1%
YoY: ▼3.89 -36.4%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
3.2%
YoY: +/-▼ 0.1%

ROE (TTM) Q3/25
9.1%
YoY: +/-▼ 2.0%

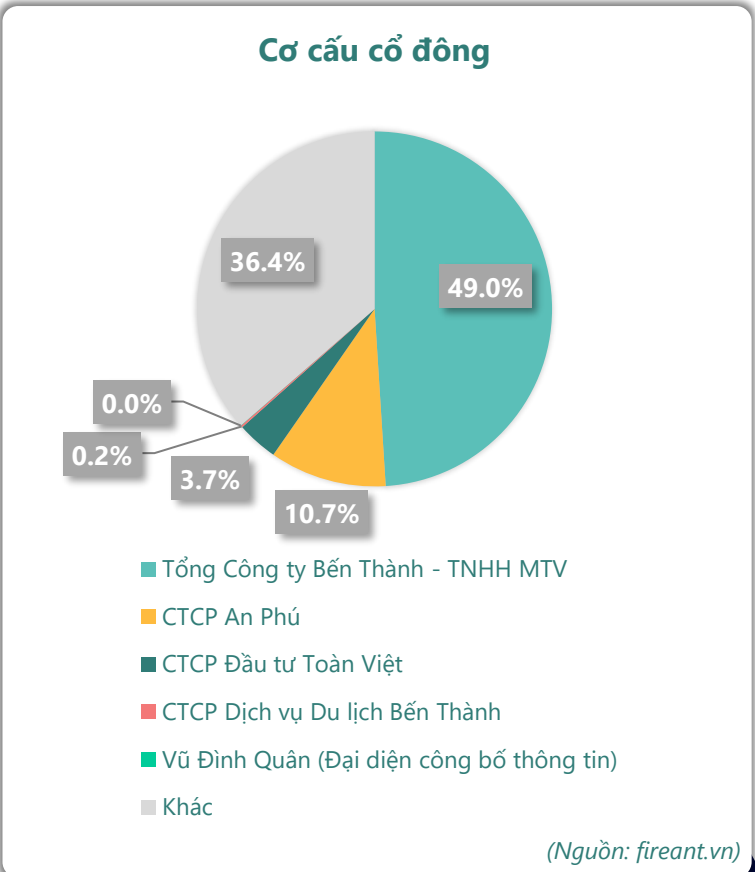
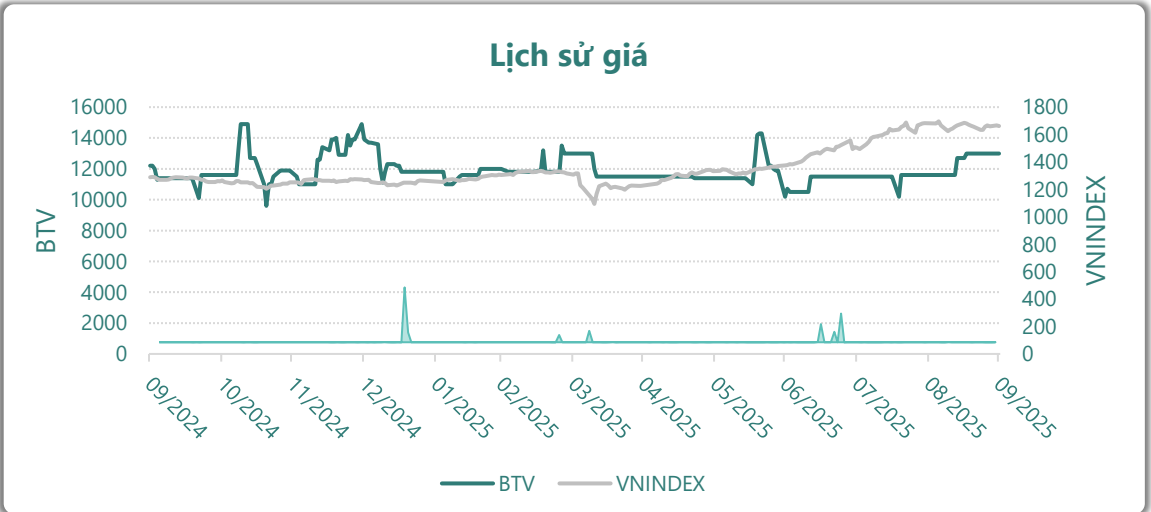
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	9,600 - 14,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	324
Số lượng CPLH (CP)	24,956,600
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.01)
EPS	903
P/E	14.4



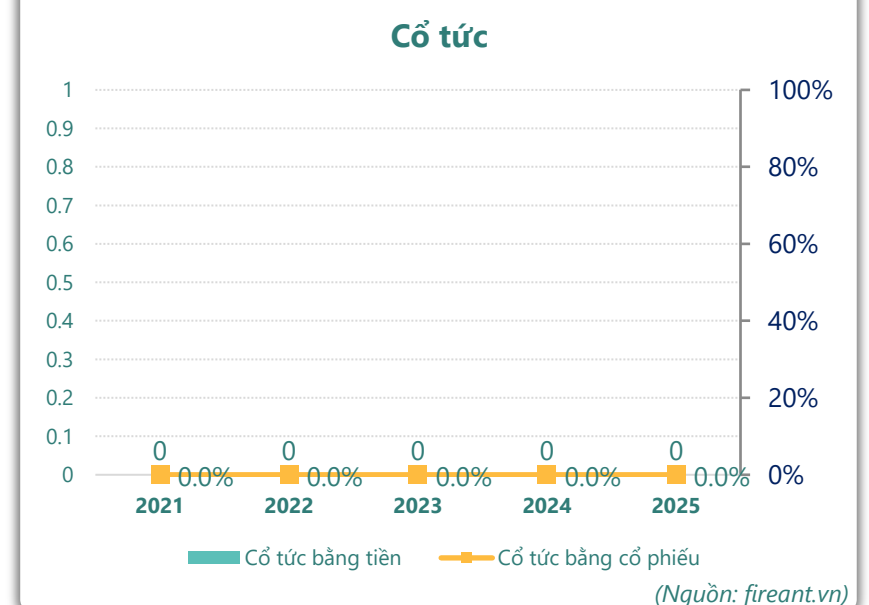
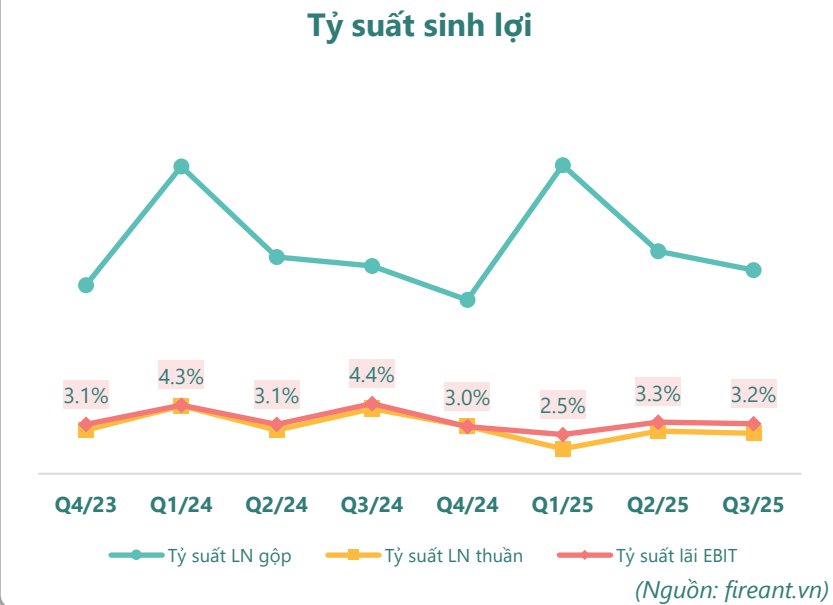
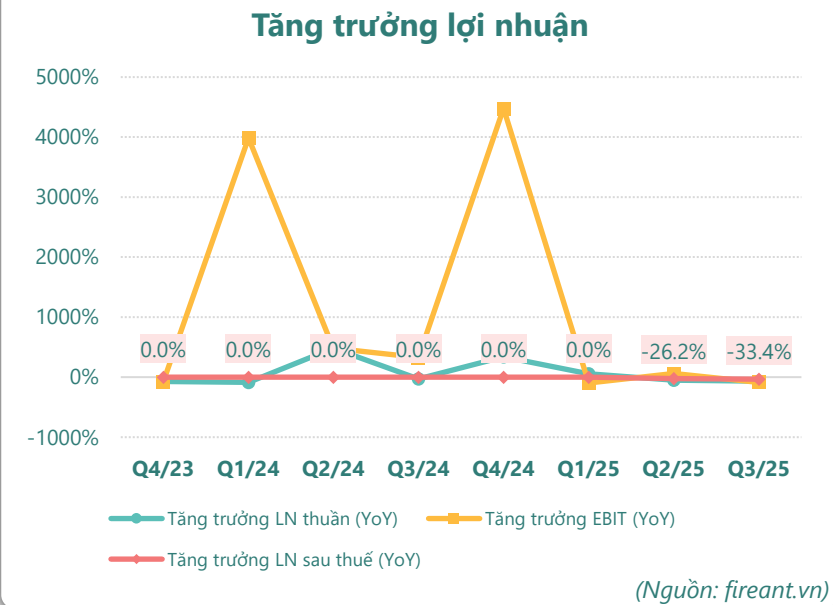
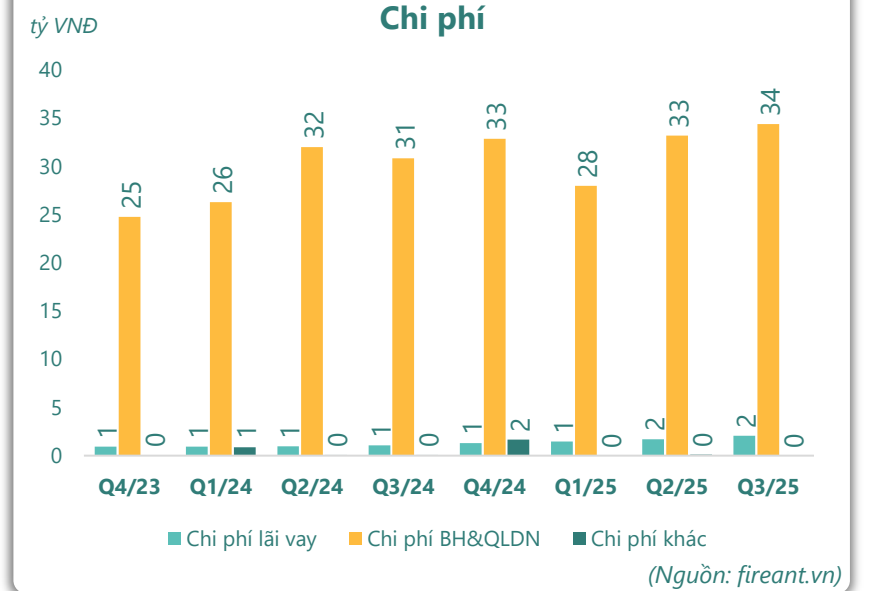
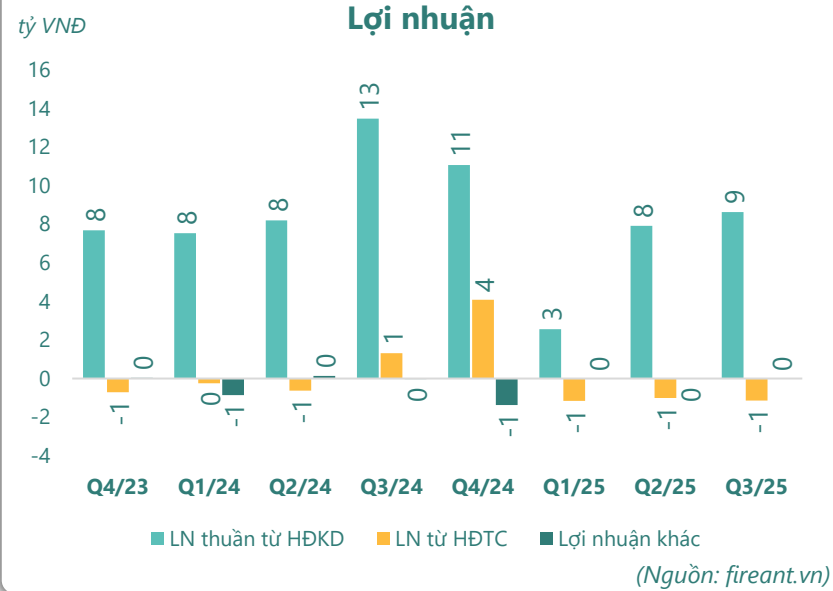
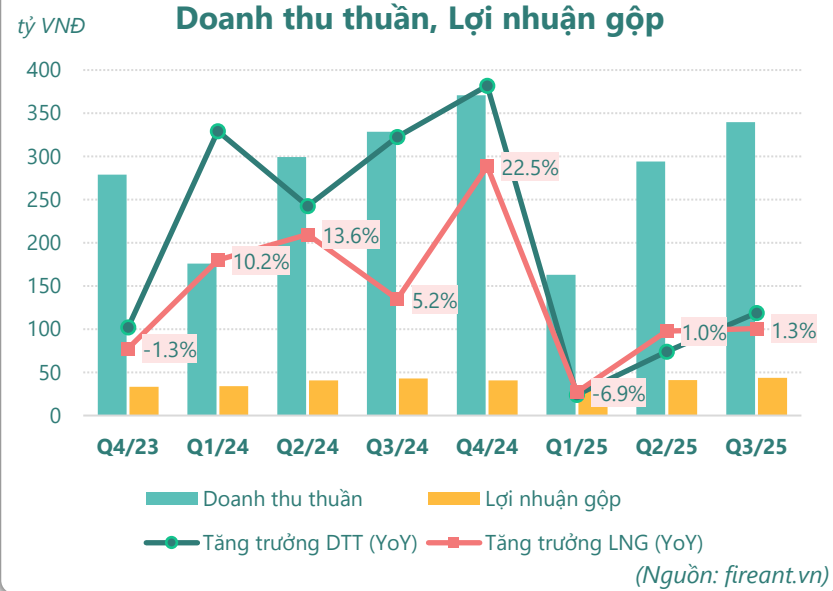
DT thuần 9T 2025
797
tỷ VNĐ
YoY: ▼6.00 -0.8%

LN thuần 9T 2025
19.1
tỷ VNĐ
YoY: ▼10.1 -34.6%

LN sau thuế 9T 2025
15.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼8.30 -35.2%



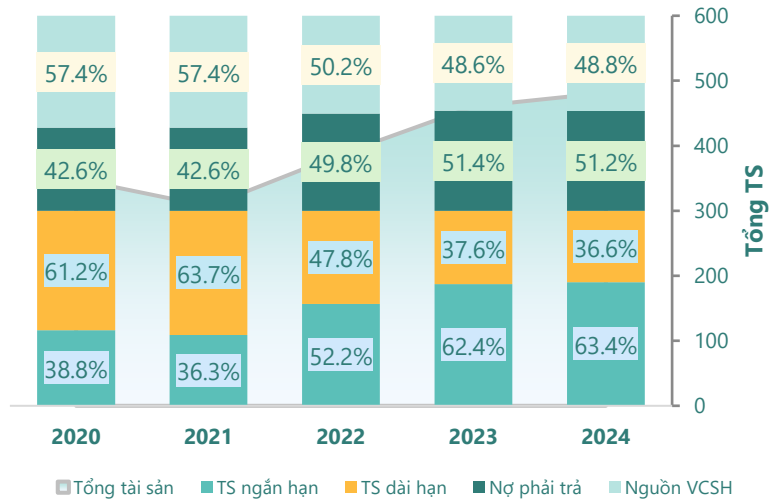
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

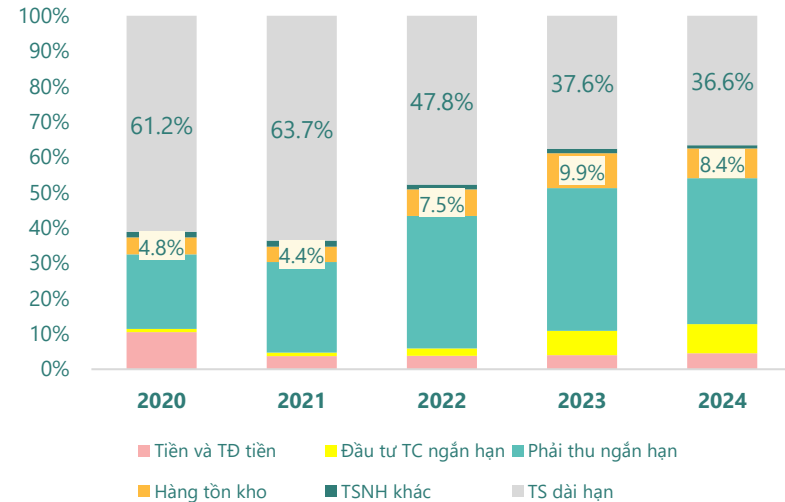
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

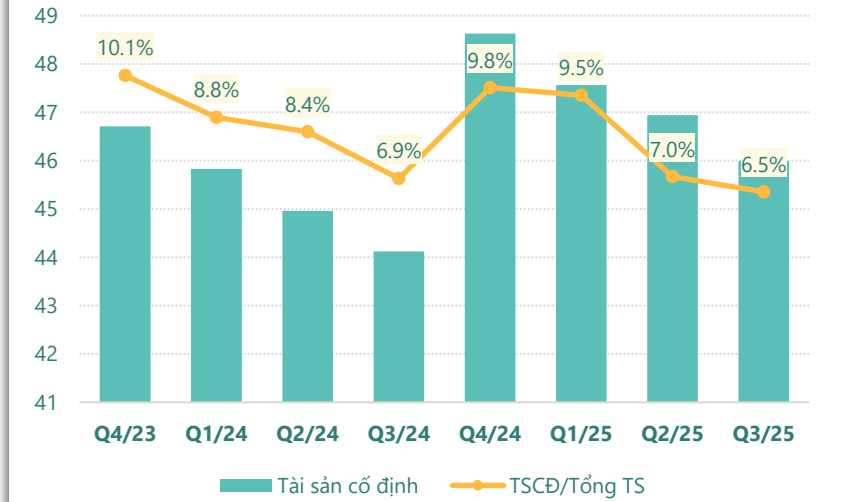
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

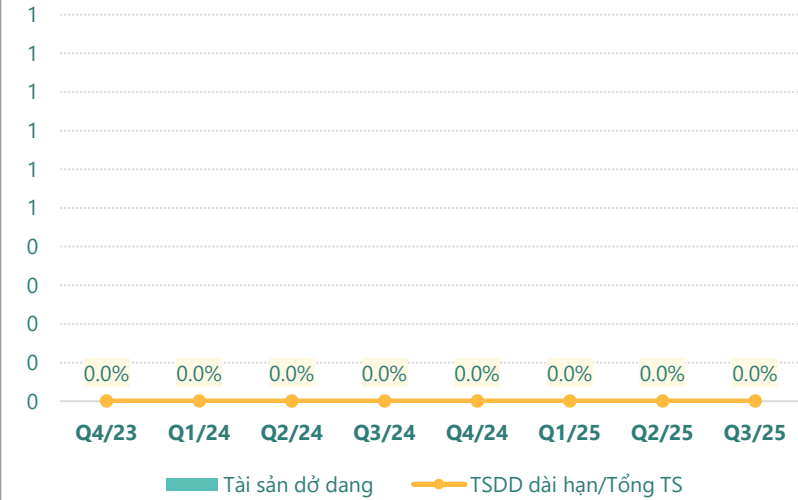
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

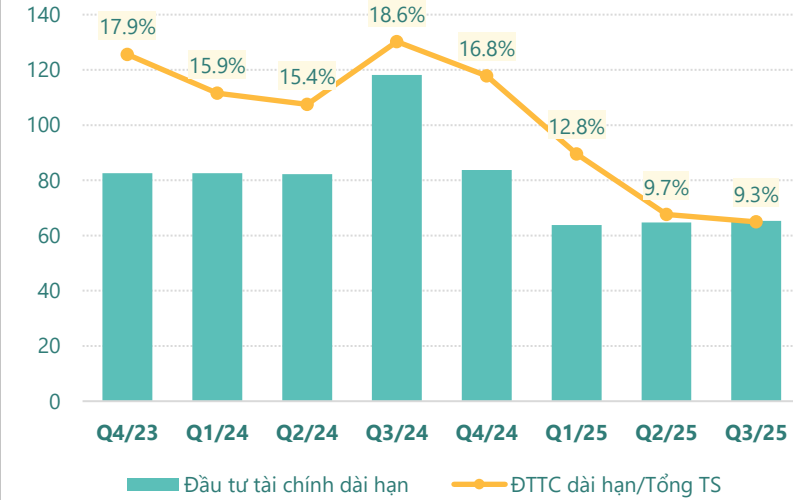
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

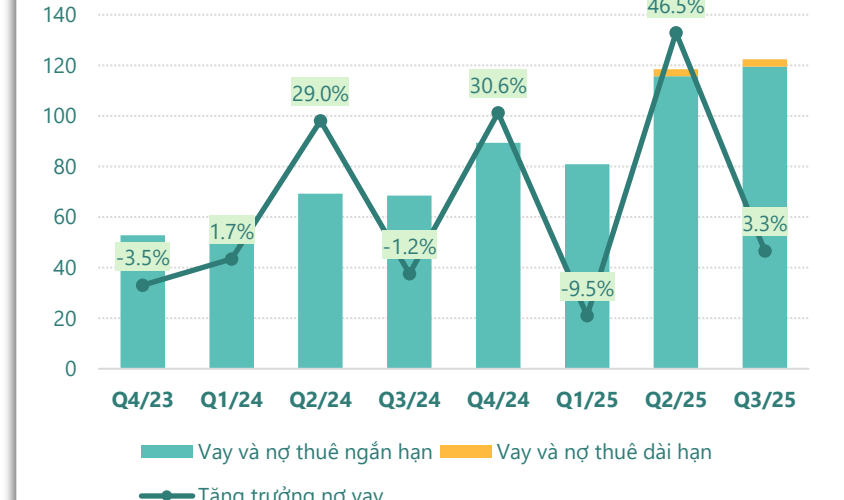
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

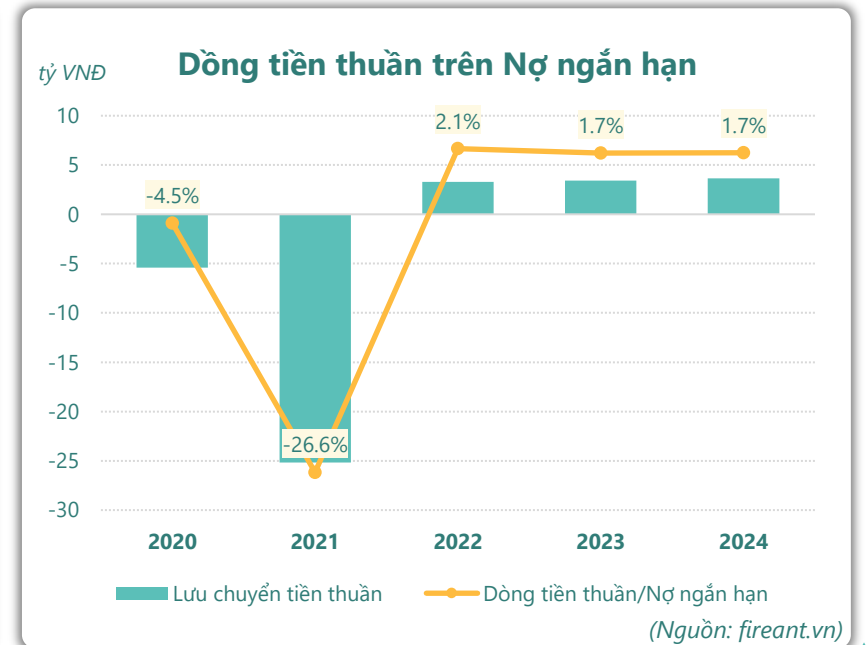
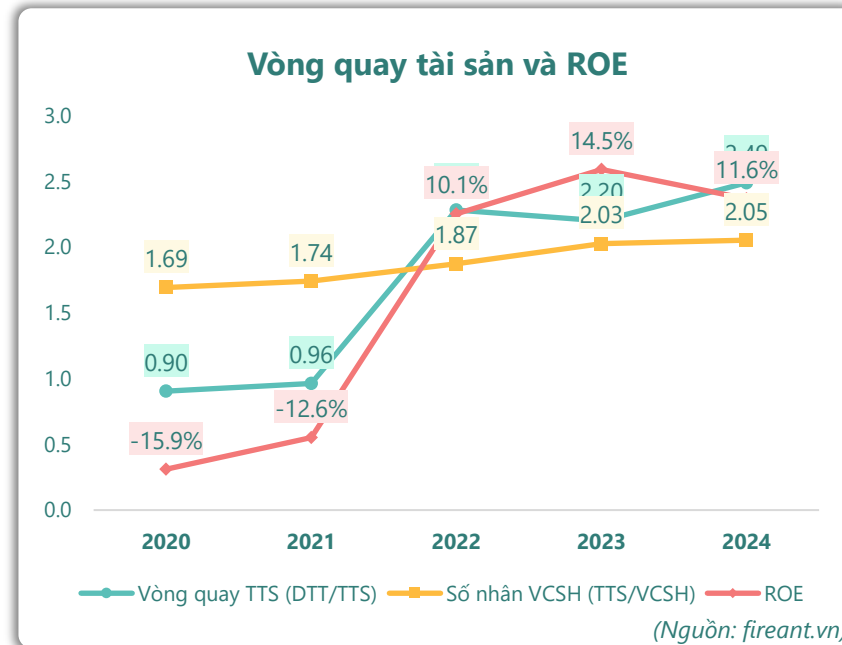
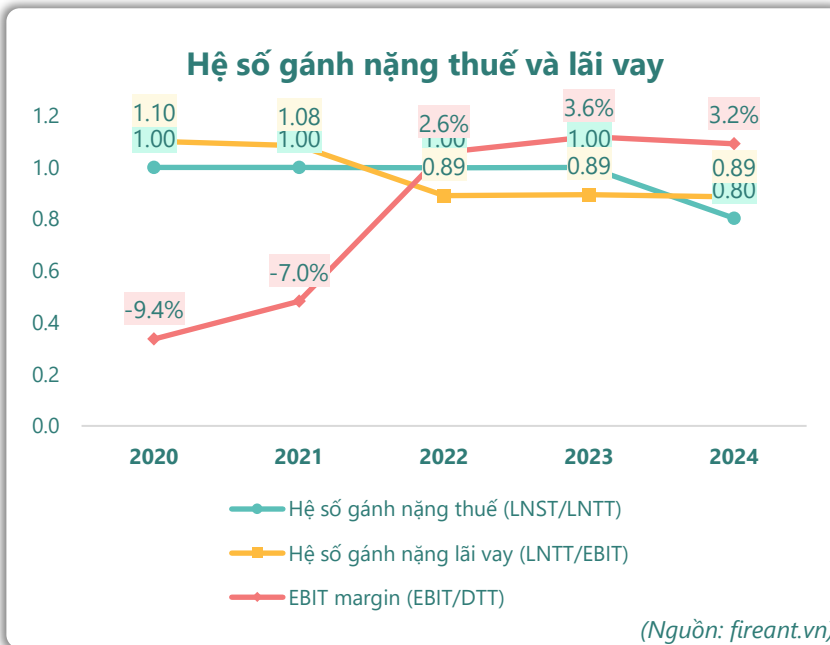
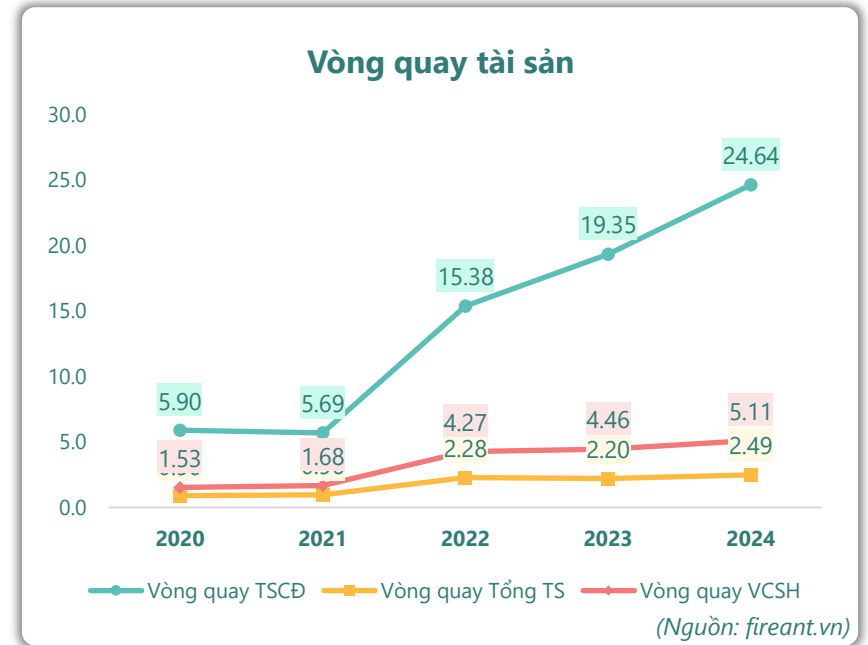
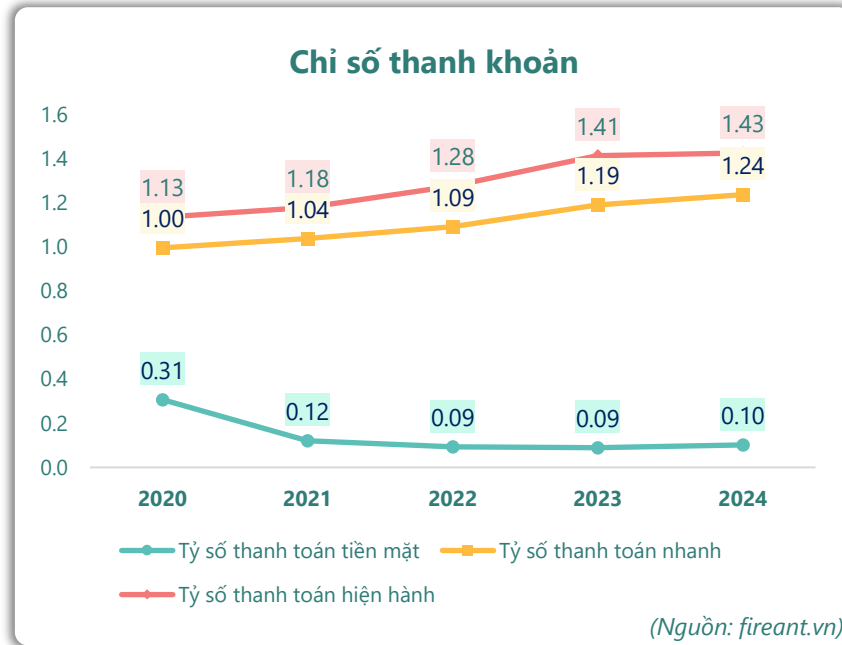
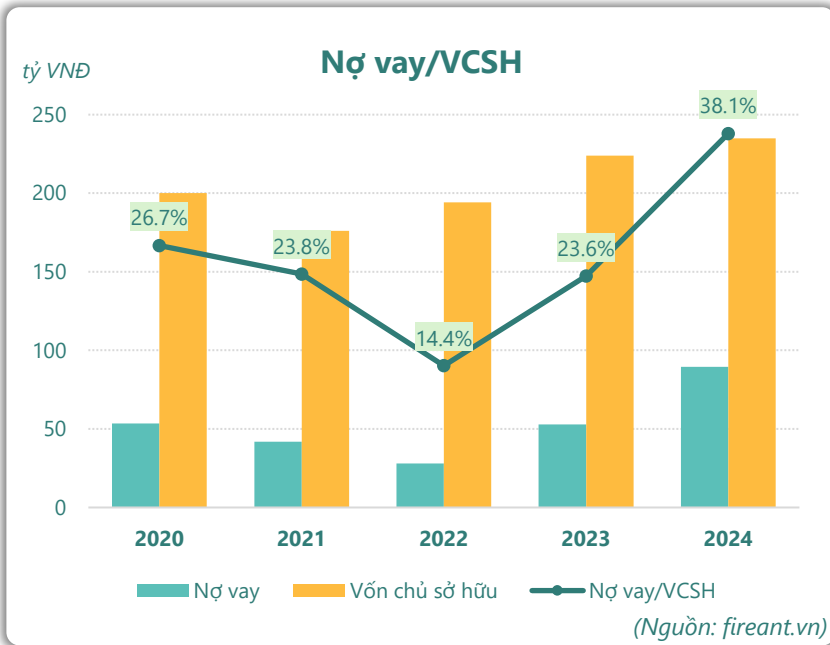
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	340	328	3.5%	797	803	-0.8%
Giá vốn hàng bán	296	285	3.8%	680	685	-0.8%
Lợi nhuận gộp	43.6	43.0	1.4%	117	118	-1.2%
Doanh thu HĐTC	0.94	0.25	275%	1.91	1.84	3.8%
Chi phí TC	2.07	-1.07	294%	5.22	1.39	276%
Chi phí lãi vay	2.07	1.06	95.5%	5.22	2.95	76.8%
LN trong công ty LKLD	0.60	0.00		1.48	0	
Chi phí bán hàng	18.0	17.1	5.2%	56.8	52.3	8.6%
Chi phí QLDN	16.4	13.8	19.0%	38.8	36.8	5.2%
LN thuần từ HĐKD	8.64	13.5	-36.0%	19.1	29.2	-34.6%
Lợi nhuận khác	0.00	-0.03	109%	-0.01	-0.76	98.6%
LN trước thuế	8.64	13.5	-36.0%	19.1	28.5	-32.9%
Lợi nhuận sau thuế	6.81	10.7	-36.4%	15.3	23.6	-35.2%
LNST của CĐ cty mẹ	6.81	10.7	-36.4%	15.3	23.6	-35.2%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	7.11	20.6	-25.5	-12.3	-24.1	-6.05
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-21.6	-19.3	29.3	4.07	-5.78	-0.94
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	15.6	-0.82	9.54	-8.47	37.6	3.90
Tiền đầu kỳ	4.84	5.97	6.48	21.8	5.10	12.9
Lưu chuyển tiền thuần	1.13	0.51	13.4	-16.7	7.75	-3.09
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	-0.01	0	0	0
Tiền cuối kỳ	5.97	6.48	21.8	5.10	12.9	9.76

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	704	482	46.3%
Tài sản ngắn hạn	531	305	74.0%
Tiền và tương đương tiền	9.76	21.8	-55.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	41.5	39.5	5.1%
Phải thu ngắn hạn	315	199	58.2%
Hàng tồn kho	160	40.5	295%
Tài sản ngắn hạn khác	4.92	4.48	9.8%
Tài sản dài hạn	173	176	-1.8%
Phải thu dài hạn	1.53	1.53	0.0%
Tài sản cố định	46.0	48.5	-5.1%
Bất động sản đầu tư	21.2	21.8	-2.8%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	65.3	63.9	2.3%
Tài sản dài hạn khác	14.3	13.7	4.3%
Lợi thế thương mại	24.7	26.8	-7.8%
Nợ phải trả	453	247	83.8%
Nợ ngắn hạn	418	214	95.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	120	89.4	33.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	112	30.2	270%
Nợ dài hạn	35.0	32.6	7.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	2.90	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	251	235	6.9%
Vốn chủ sở hữu	251	235	6.9%
Vốn điều lệ	250	250	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

